TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/DS-ST
Ngày: 23 - 8 - 2019

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Ông **Huỳnh Tiễn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Linh Phương –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-DS ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;** Trụ sở: đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đắc Hùng S** – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng *(Theo văn vản ủy quyền số 1414/2019/UQ-VPB ngày 04/3/2019)*. Có mặt.

* *Bị đơn*: Bà **Đoàn Thị U**. Sinh năm: 1969. Địa chỉ: đường D, tổ xx, H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2019, bản trình bày ngày 27 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 19/6/2016 bà Đoàn Thị U có Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn; Ngày 03/4/2017 bà Đoàn Thị U có Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử; Ngày 21/8/2017 bà Đoàn Thị U có Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB,

mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử đề nghị vay tiền của Ngân hàng. Căc cứ vào các đơn đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng đã cho vay, cấp hạng mức và giao kết các Hợp đồng tương ứng như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số LD1628100648, giải ngân ngày 07/10/2016, số tiền vay 200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng.

2/ Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 104-P-779892, giải ngân ngày 04/4/2017, hạn mức tín dụng 69.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng.

3/ Hợp đồng tín dụng số LD1725401017, giải ngân ngày 11/9/2017, số tiền vay 55.000.000đ, thời hạn vay 30 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng.

Về lãi suất đối với các Hợp đồng đều được điều chỉnh theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của VPbank. Quá trình thực hiện các Hợp đồng nói trên, bà Đoàn Thị U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn tính đến ngày 19/02/2019 số tiền nợ lần lượt đối với các Hợp đồng là.

- Hợp đồng tín dụng số LD1628100648: + Nợ gốc: 168.256.732đ
  + Nợ lãi: 81.329.352đ
  Tổng cộng: 249.586.084đ.
- Hợp đồng tín dụng số 104-P-779892: + Nợ gốc: 67.758.000đ
  + Nợ lãi: 36.620.422đ
  Tổng cộng: 104.378.422đ.
- Hợp đồng tín dụng số LD1725401017: + Nợ gốc: 46.351.349đ
  + Nợ lãi: 20.270.843đ
  Tổng cộng: 66.622.183đ.

Tổng cộng nợ gốc và lãi của cả ba Hợp đồng là 420.586.689đ. Trong đó, nợ gốc là 282.366.072đ, nợ lãi là 138.220.617đ.

Do bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các Hợp đồng tín dụng nói trên, nên Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà U phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay đồng thời buộc bà U phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận của từng Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Sau khi Ngân hàng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án thì bà U đến làm việc với Ngân hàng và thanh toán bớt một phần số nợ và theo thỏa thuận về thứ tự ưu tiên thanh toán giữa Ngân hàng và khách hàng, Ngân hàng đã trừ số tiền này vào tiền gốc của các Hợp đồng tương ứng. Tính đến ngày xét xử hôm nay, dựa trên Bảng tổng hợp dư nợ bà U còn nợ Ngân hàng các khoản tương ứng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD1628100648: Nợ gốc là 162.256.732đ; Nợ lãi là 181.476.189đ (*trong đó lãi phải trả là 128.028.332đ, phạt chậm lãi là 53.447.857đ).* Tổng cộng là 343.732.921đ;

- Hợp đồng tín dụng số 104-P-779892: Nợ gốc: 67.758.000đ, nợ lãi là 61.123.601đ. Tổng cộng là 128.881.601đ;

- Hợp đồng tín dụng số LD1725401017: Nợ gốc là 40.351.340đ; Nợ lãi là 38.839.846đ.

Tổng các khoản nợ của cả ba Hợp đồng là 551.805.708đ. Trong đó nợ gốc là 230.014.732đ, nợ lãi là 281.439.636đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng điều chỉnh, rút một phần yêu cầu về lãi suất đối với mức lãi phạt 53.447.857đ của Hợp đồng tín dụng số LD1628100648. Còn lại, đề nghị bà Đoàn Thị U phải thanh toán đối với số tiền tương ứng với từng hợp đồng như đề cập trên tổng cộng là 498.357.851đ, trong đó nợ gốc là 358.896.333đ, nợ lãi là 139.461.518đ đồng thời đề nghị tiếp tục tính lãi trên các Hợp đồng cho đến khi bà U thanh toán xong các khoản nợ.

* Tại bản tự khai ngày 28/6/2019, biên bản hòa giải ngày 09/7/2019 và tại phiên tòa bị đơn Đoàn Thị U thống nhất xác định bà có đề nghị mở và sử dụng tài khoản thanh toán kiêm Hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V qua đó giữa bà và Ngân hàng đã xác lập đối với 03 Hợp đồng tín dụng đúng như Ngân hàng đã đề cập, bà thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng tổng 358.896.333đ nợ gốc, về nợ lãi Ngân hàng căn cứ vào thỏa thuận về lãi suất nên xác định số tiền nợ lãi là 139.461.518đ bà không có ý kiến gì, chỉ đề nghị Ngân hàng xem xét điều kiện kinh tế của bà hiện nay quá khó khăn, cho bà trả tiền theo phương thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, bị đơn - Đoàn Thị U có địa chỉ tại đường D, tổ xx, H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý vụ án, tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo đó, bị đơn Đoàn Thị U đã nhận được các thông báo của Tòa án và có ý kiến phản hồi, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay bà U cũng đã có mặt đồng thời xác nhận khoản nợ. Do đó về mặt thủ tục tố tụng đối với vụ án này là hợp pháp, đảm bảo các bên đương sự đều thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cũng đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ, lời khai thể hiện vào ngày 19/6/2016 bà Đoàn Thị U có Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ

Ngân hàng điện tử và vay vốn; Ngày 03/4/2017 bà Phan Thị Út có Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử; Ngày 21/8/2017 bà Đoàn Thị U có Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử đề nghị vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo diện Hợp đồng tín dụng. Tương ứng với từng lần đề nghị mở, sử dụng tài khoản, giữa bà U và Ngân hàng đã xác lập 03 Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng tín dụng số LD1628100648, Hợp đồng tín dụng số 104-P-779892 và Hợp đồng tín dụng số LD1725401017 như đã thể hiện tại đơn khởi kiện cũng như nội dung mà Ngân hàng đã đề cập tại phiên tòa hôm nay đồng thời bị đơn Đoàn Thị U cũng đã xác nhận diễn biến các giao dịch và số tiền nợ của từng Hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, cụ thể tổng số tiền nợ là 498.357.851đ, trong đó nợ gốc là 358.896.333đ, nợ lãi là 139.461.518đ.

Đối với khoản tiền lãi phạt 53.447.857đ của Hợp đồng tín dụng số LD1628100648, tại đơn khởi kiện Ngân hàng không đề cập, cho đến khi cung cấp Bảng tổng hợp dư nợ của bà U thì Ngân hàng mới bóc tách phần này từ số tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tự nguyện rút, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán đối với số tiền này, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Như vậy, *"Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử"* là các đề nghị giao kết Hợp đồng tín dụng từ phía bà Đoàn Thị U, sau đó được Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thẩm định, xác nhận, chấp thuận cho vay. Khi đã hoàn thành việc đăng ký từ phía bà Đoàn Thị U và ký chấp thuận từ phía Ngân hàng thì đây là các Hợp đồng tín dụng, các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng được dẫn chiếu theo quy định về Điều khoản Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Các Quyết định số 498/2017/QĐ-TGĐ ngày 03/7/2017; Quyết định số 265/2018/QĐ-TGĐ ngày 05/4/2018 của Tổng Giám đốc ban hành lãi suất thẻ tín dụng tương ứng cho các thời kỳ.

Xét việc giao kết các Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tại phiên tòa bà Đoàn Thị U cũng đã thừa nhận toàn bộ diễn biến giao dịch, số tiền nợ và xác định giao dịch là ngày tình, không bị lừa dối, ép buộc tuy nhiên hiện do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà mới vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc bà Đoàn Thị U giao kết Hợp đồng nhưng không trả nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán các khoản nợ theo đơn khởi kiện và lãi suất tính tới ngày xét xử sơ thẩm như đã phân tích cụ thể đối với từng Hợp đồng nói trên, tổng số tiền là

498.357.851đ, trong đó nợ gốc: 358.896.333đ, nợ lãi: 139.461.518đ là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Đoàn Thị U phải có nghĩa vụ thanh toán.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tiếp tục tính lãi suất theo từng Hợp đồng là có căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất tương ứng theo từng Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bà Đoàn Thị U.

Xử:

1. Buộc bà Đoàn Thị U phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ của các hợp đồng tín dụng tổng cộng là 498.357.851đ *(Bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi mốt đồng)*, trong đó nợ gốc: 358.896.333đ, nợ lãi: 139.461.518đ.

(Cụ thể: Hợp đồng tín dụng số LD1628100648: Nợ gốc là 162.256.732đ, nợ lãi là 128.028.332đ; Hợp đồng tín dụng số 104-P-779892: Nợ gốc là 67.758.000đ, nợ lãi là 61.123.601đ; Hợp đồng tín dụng số LD1725401017: Nợ gốc là 40.351.340đ, nợ lãi là 38.839.846đ).

Lãi suất tiếp tục được tính đối với từng Hợp đồng kể từ ngày 24/8/2019 dựa trên Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng

điện tử; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử được ký kết giữa bà Đoàn Thị U với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và quy định về Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi bà Đoàn Thị U thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị U phải chịu 23.934.314đ *(Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm mười bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.411.734đ *(Mười triệu bốn trăm mười một ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007128 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THA DS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Đoàn Công Quốc